

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: số 28/2020/HC-ST

Ngày: 22/9/2020

V/v “*Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong quản lý nhà nước về đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Dư Thành Trung**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* + Bà **Hoàng Thị Biên**

+ Ông **Nguyễn Đình Long.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Vũ Ngọc Thùy Dung**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* bà **Nguyễn Thị Minh Hương**- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2019/TLST-HC ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST- HC ngày 31 tháng 8 năm 2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 147/2020/QĐST-HC ngày 15/9/2020, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà **Võ Thị Kim L**, sinh năm 1971; ông **Đỗ Văn H**, sinh năm 1966; địa chỉ: 129 thôn Đ1, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh Văn S**, sinh năm 1974; địa chỉ: 56 đường P, Tổ 15, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

-*Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ trụ sở: 41 đường Đ, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Đình S**, chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Nhật T**, chức vụ: Phó chủ tịch (theo giấy ủy quyền số 97/UQ-UBND ngày 17/12/2019); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Nguyễn Viết H**, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện D

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Trung T**, sinh năm 1959; địa chỉ: 20 Phan Chu Trinh, Tổ 18, thị trấn D, huyện D; vắng mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị Lệ T**, sinh năm 1981, ông **Nguyễn Tài T**, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 18, thị trấn D, huyện D; bà T có mặt, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà **Son Thế L**, sinh năm 1959, ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ, huyện D.

4. Bà **Lê Thị S**, sinh năm 1952, ông **Lê Văn T**, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ, huyện D.

5. Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ, huyện D.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông B, bà S, ông T, bà S: Ông **Đinh Văn S**, sinh năm 1974; địa chỉ: 56 đường P, Tổ 15, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

6. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1974, bà **Vũ Thị H**, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ 18, thị trấn D, huyện D; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Ông **Nguyễn Ngọc A**, sinh năm 1976, bà **Trần Thị X**, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn Đ1, xã Đ, huyện D; ông A có mặt, bà X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

8. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1985, bà **Lâm Thị H**, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn Đ1, xã Đ, huyện D; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 06/10/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/8/2020 và những lời trình bày của người khởi kiện bà Võ Thị Kim L, ông Đỗ Văn H thể hiện như sau:*

Vợ chồng bà L, ông H có diện tích đất nông nghiệp trồng cà phê 6.247m² thuộc thửa 268 bản đồ số 55A xã Đ được cấp GCNQSDĐ số CA 199431 ngày 07/5/2015 và diện tích đất nông nghiệp trồng cà phê 6.919m² thuộc thửa 79 bản đồ số 54B xã Đ được cấp GCNQSDĐ số CA 199432 ngày 07/6/2015.

Cùng chung khu vực này có:

- Ông Lê Văn T có diện tích đất 2.830m² thửa 81 bản đồ 54B xã Đ; giấy chứng nhận QSD đất số BV 037227 ngày 10/10/2014 do UBND huyện D cấp đứng tên Lê Văn Thái.

- Bà Nguyễn Thị S có diện tích đất 3.438m² thửa 78 bản đồ 54B xã Đ, giấy chứng nhận QSD đất số BS 734912 ngày 23/4/2014 do UBND huyện D cấp đứng tên Nguyễn Thị S.

- Đất của bà Son Thế L và ông Nguyễn Văn B có diện tích khoảng 4.000m² chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Tất cả các chủ sử dụng đất này đều đi chung con đường rộng 3m lối liền từ đường liên thôn xuống đến giáp sinh. Con đường này đã tồn tại từ những năm 1971 đến nay, không ai tranh chấp.

Tuy nhiên, vào giữa tháng 8/2019, bà Nguyễn Thị Lệ T tự ý dùng cọc và lưới B40 rào chắn hơn 1 nửa con đường đi chung. Sau khi tranh chấp xảy ra, UBND xã Đ đã tiến hành đo đạc hiện trạng con đường trên thực tế có chiều rộng trung bình là 2,9m.

Qua thu thập chứng cứ bà L, ông H phát hiện ra con đường đi chung đã được UBND huyện D cấp trong giấy chứng nhận QSD đất số AA 180557 ngày 01/10/2004 cho hộ ông Nguyễn Trung T (theo quyết định số 1448/QĐ-UB ngày 01/10/2004 của UBND huyện D) tại thửa 82 và thửa 85 bản đồ 54B xã Đ.

Sau đó thửa 82 được tách thành thửa 379 và thửa 380; thửa 379 được tách thành hai thửa là thửa 1123 Giấy chứng nhận QSD đất số BO 344238 ngày 23/7/2013 do UBND huyện D cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H, cập nhật biến động sang tên cho ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị H vào ngày 09/02/2017; thửa 380 cấp giấy chứng nhận QSD đất số BI 756339 ngày 26/3/2012 do UBND huyện D cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị H.

Từ trước đến nay các hộ gia đình có đất phía trong trực tiếp sử dụng con đường này để đi lại không có tranh chấp với ai. Việc UBND huyện D cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Nguyễn Trung T thửa 82 và thửa 85 bao gồm cả con đường đi chung này là không đúng hiện trạng sử dụng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ sử dụng đất phía trong. Do vậy, để đảm bảo quyền về lối đi chung, bà L ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 180557 do UBND huyện D cấp cho hộ ông Nguyễn Trung T ngày 01/10/2004 theo quyết định số 1448/QĐ-UB ngày 01/10/2004 của UBND huyện D.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 344238 do UBND huyện D cấp cho ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị H ngày 23/7/2013 đã đăng ký biến động sang tên cho ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị H ngày 09/02/2017.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 756339 do UBND huyện D cấp cho ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị H ngày 26/3/2012.

** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện D- ông Trần Nhật Thi trình bày:*

Theo hồ sơ địa chính được lưu trữ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện D cung cấp, thể hiện:

- Thửa đất số 82 tờ bản đồ 54b xã Đ diện tích 1460m² (400m² ONT + 1060m² CLN) và thửa đất số 85 tờ bản đồ 54b xã Đ diện tích 3.381m² CLN do ông Nguyễn Trung T đăng ký cấp giấy và được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 073261 cấp ngày 05/12/1996, vào sổ theo dõi cấp giấy 1617QSDĐ.

Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được thực hiện đúng theo qui định của Luật đất đai năm 1993.

- Ngày 01/10/2004, UBND huyện D ban hành Quyết định số 1448/QĐ-UB V/v thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 073261 đồng thời cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 180557 cho ông Nguyễn Trung T tại thửa đất số 82 và 85 tờ bản đồ 54b xã Đ diện tích 4.841m² CLN. Lý do thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 073261 và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 180557 cho ông Nguyễn Trung T là do cộng nhậm tổng diện tích và sửa chữa Giấy chứng nhận không hợp lệ.

Về trình tự, thủ tục thực hiện chuyển nhượng được thực hiện đúng theo qui định của Luật đất đai năm 2003.

Từ kết quả kiểm tra như trên, Căn cứ Luật đất đai năm 1993 về trình tự, thủ tục được các cơ quan chuyên môn tham mưu cho UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 073261 thực hiện đúng quy định và đã cập nhật vào hồ sơ địa chính.

Căn cứ vào Luật đất đai năm 2003 về trình tự, thủ tục được các cơ quan chuyên môn thực hiện việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 073261 đồng thời cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 180557 cho ông Nguyễn Trung T thửa đất số 82 và 85 tờ bản đồ 54b xã Đ diện tích 4.841m² CLN theo Quyết định 1448/QĐ-UB ngày 01/10/2004 của UBND huyện D thực hiện đúng qui định và đã cập nhật, chỉnh lý vào hồ sơ địa chính.

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chủ sử dụng đất chưa thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, tuy nhiên có sự tranh chấp giữa các chủ sử dụng giáp ranh do đó việc người khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 180557 cấp ngày 01/10/2004, đề nghị Tòa án Nhân dân tỉnh Lâm Đồng xem xét xử lý theo thẩm quyền.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Nguyễn Trung T trình bày:*

Khoảng năm 1989-1990, ông T có mua lô đất diện tích hơn 5 sào của ông Đông tọa lạc tại thôn Đ1, xã Đ, huyện D. Đến năm 2004, ông T được cấp sổ đỏ bao gồm thửa 82, thửa 85 tờ bản đồ số 54b. Khi ông T mua diện tích đất này, giữa hai thửa 82 và thửa 85 có một con đường mòn có chiều dài hết lô đất khoảng hơn 200m, chiều rộng khoảng 1,5 mét, đường đất. Và ông T sử dụng con đường mòn này phục vụ cho sản xuất, các hộ gia đình ở phía sau đi chung với gia đình ông T con đường này. Đến năm 2012, thửa 82 được tách thành hai thửa là thửa 1123, ông T bán cho ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị H, thửa 1124, ông T đã bán cho bà Nguyễn Thị Lệ T vào ngày 10/10/2015 bằng giấy tờ viết tay, chưa làm thủ tục sang tên.

Trong quá trình gia đình ông T sản xuất, gia đình ông T tự mở rộng con đường đi có chiều rộng khoảng 1,5mét, đồng thời cho các hộ phía sau sử dụng đi cùng. Và từ đó đến nay, không có xảy ra tranh chấp khiếu nại với ai. Các hộ ở phía sau đi nhờ con đường của gia đình ông T thành thói quen, vì tình làng nghĩa

xóm đi chung, không có ý kiến gì. Thực tế, không có con đường rộng 3m từ trước đến nay.

Với yêu cầu khởi kiện của bà Liên, ông T không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày:*

Năm 2015, bà T có nhận chuyển nhượng của ông T thửa đất số 1124 tờ bản đồ số 54B (thửa gốc 82) đã trả đủ tiền cho ông T và ông T cũng đã giao đất cho bà quản lý, sử dụng. Việc mua bán bằng miệng, không có làm giấy tờ gì, chỉ có giấy nhận tiền. Lý do không làm thủ tục sang tên được là do bà Liên khởi kiện. Lúc mua đất của ông T thì bà T thấy con đường đi chung chỉ rộng khoảng 1,5 mét. Hiện nay bà L tự ý mở rộng đường ra thành 3 mét. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L ông H, bà T không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Sơn Thế L, ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị S, ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị S đều thống nhất trình bày:* Con đường đi chung rộng 3m lối liền từ đường liên thôn xuống đến giáp sinh. Con đường này đã tồn tại từ những năm 1971 đến nay, không ai tranh chấp. Vào giữa tháng 8/2019, bà Nguyễn Thị Lệ T tự ý dùng cọc và lưới B40 rào chắn hơn 1 nửa con đường đi chung. Sau khi tranh chấp xảy ra, UBND xã Đ đã tiến hành đo đạc hiện trạng con đường thực tế hiện nay có chiều rộng khoảng 2,9m. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L ông H, các ông bà đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Nguyễn Ngọc A, bà Trần Thị X trình bày:*

Vào năm 2016, vợ chồng ông A, bà X có mua của ông T thửa đất 85, tờ bản đồ số 54B, xã Đ, đất đã được cấp sổ (cùng thửa 82), đã thanh toán đủ tiền và đã nhận đất quản lý sử dụng từ đó cho đến nay. Hiện trạng đất khi mua là cây cà phê có từ trước năm 1975. Mua bán chỉ làm giấy viết tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Lý do chưa làm thủ tục công chứng sang tên là do vợ chồng bà L, ông H đang khởi kiện. Khi vợ chồng ông bà mua đất về sử dụng thì đã có một lối mòn rộng khoảng 1,5 mét. Do trong quá trình đi lại, vợ chồng ông H bà L có máy cày nên đã lấn chiếm lối mòn mở rộng ra thành khoảng 3m như hiện nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, ông H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị H trình bày:*

Năm 2012, vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng của ông T thửa đất 380, tờ bản đồ 54B và đã làm thủ tục sang tên. Đến năm 2014, ông bà mua của vợ chồng ông T bà H thửa đất 1123 tờ bản đồ 54B nhưng đến năm 2017 mới làm thủ tục sang tên theo quy định. Khi mua đất về sử dụng, ông bà đã thấy con đường đi chung nằm giữa thửa đất bà T và vợ chồng ông A, bà X đang sử dụng. Con đường đủ rộng cho xe tải đi vào.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, ông H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị H trình bày:*

Năm 2013, vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng của ông T thửa đất 1123, tờ bản đồ 54B tách từ thửa 379. Đến năm 2014 bán lại cho vợ chồng ông H, bà H. Khi mua đất về sử dụng, đã thấy con đường đi chung nằm giữa thửa đất bà T và vợ chồng ông A, bà X đang sử dụng, rộng khoảng 3m.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, ông H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Không tiến hành đối thoại được.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu của mình như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim L, ông Đỗ Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tài T, ông Nguyễn Trung T, ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị H, ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị H, bà Trần Thị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Khoản 1, 3 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính để tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền:

Bà L, ông H khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số AA 180557 do UBND huyện D cấp cho hộ ông Nguyễn Trung T ngày 01/10/2004, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 344238 do UBND huyện D cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị H ngày 23/7/2013 đã đăng ký biến động tại trang tư cho ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị H và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 756339 do UBND huyện D cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị H ngày 26/3/2012. Bà L, ông H trình bày đến tháng 8 năm 2019, khi bà Nguyễn Thị Lệ T tự ý dùng cọc và lưới B40 rào chắn hơn 1 nửa con đường đi chung. Sau khi tranh chấp xảy ra, được UBND xã Đ hòa giải, ông bà mới biết được con đường đi chung này được cấp trong GCNQSDĐ của ông Nguyễn Trung T và các thửa trong GCNQSDĐ đã được tách thành nhiều thửa khác. Do đó, xác định bà L, ông H đã khởi kiện trong thời hiệu theo quy định tại Điều 116 của Luật tố tụng hành chính; căn cứ khoản 2 Điều 3; Điều 30, Điều 32 của Luật tố tụng hành

chính, xác định đối tượng khởi kiện là “*Khiếu kiện QĐ hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, ý kiến của người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đối chiếu với tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện:

[3.1] Theo kết quả đo vẽ; xem xét, thẩm định tại chỗ (BL 172-175) thể hiện: Con đường thực tế có chiều rộng khoảng 3m, chiều dài từ mặt đường liên thôn đến xuống giáp ranh đất bà L. Mặt đường đổ đá mặt. Phía bên tay trái đường liên thôn đi vào là đất của bà T có 04 gốc cà phê (theo ông T trình bày có từ năm 1990). Ngoài ra trên đất có cây dâu do ông A, bà X trồng từ năm 2018. Khi đo khoảng cách từ gốc cây cà phê ra mép đường hiện hữu lần lượt có khoảng cách 40cm, 50 cm, 70 cm và 90 cm.

Theo lời trình bày của các đương sự đều thể hiện giữa hai thửa đất 82 và thửa 85 của ông T có một con đường. Ông T cũng thừa nhận khi ông mua đất về sử dụng đã có con đường nhưng chiều rộng chỉ khoảng 1,5 mét chứ không phải là 3 mét như lời bà L trình bày.

Theo lời trình bày của cán bộ địa chính xã Đ: Trước đây giữa hai thửa đất 82 và 85 có con đường nhỏ và thông thường các con đường có chiều rộng dưới 2m sẽ không thể hiện trên bản đồ.

Tại phiên tòa hôm nay bà T, ông Ngọc A cũng thừa nhận: khi mua đất của ông T đã có con đường nhưng chiều rộng khoảng 1,5m chiều dài từ mặt đường liên thôn kéo dài xuống giáp sinh.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở xác định việc UBND huyện D cấp GCNQSDĐ số AA 180557 cho hộ ông Nguyễn Trung T ngày 01/10/2004 theo quyết định số 1448/QĐ-UB ngày 01/10/2004 của UBND huyện D là không đúng hiện trạng sử dụng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ sử dụng đất phía bên trong. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim L, ông Đỗ Văn H tuyên hủy GCNQSDĐ số AA 180557 do UBND huyện D cấp cho hộ ông Nguyễn Trung T ngày 01/10/2004 để cấp lại đúng hiện trạng sử dụng.

Bên cạnh đó, do thửa đất 82 trong GCNQSDĐ số AA 180557 đã được tách thành hai thửa 379 và thửa 380. Thửa 379 tiếp tục tách thành hai thửa 1123 và 1124, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 344238 do UBND huyện D cấp cho ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị H ngày 23/7/2013, đã đăng ký biến động sang tên cho ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị H vào ngày 09/02/2017 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 756339 do UBND huyện D cấp cho ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị H ngày 26/3/2012. Do vậy, cũng cần tuyên hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để cấp lại cho đúng hiện trạng sử dụng.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng là có căn cứ.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các chủ sử dụng đất thực hiện liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hiện trạng sử dụng theo quy định pháp luật về đất đai.

[3.2] Đối với các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nếu có tranh chấp do các bên tự thỏa thuận giải quyết; trường hợp không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự theo thủ tục chung.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của bà L ông H được Tòa án chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 358 Luật tố tụng hành chính, cần buộc UBND huyện D phải chịu chi phí tố tụng. Chi phí tố tụng hết 4.917.000đ (*bốn triệu chín trăm mười bảy nghìn đồng*), (bà L ông H đã nộp đủ) nên cần buộc UBND huyện D có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà L ông H số tiền này.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Bà L, ông H được chấp nhận nên người bị kiện UBND huyện D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật; hoàn trả lại cho Bà L, ông H số tiền nộp tạm ứng án phí là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 158; Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 206 của Luật tố tụng hành chính; khoản 2, Điều 106 Luật đất đai 2013, khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim L, ông Đỗ Văn H về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai*”(yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”).

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 180557 do UBND huyện D cấp cho hộ ông Nguyễn Trung T ngày 01/10/2004 theo quyết định số 1448/QĐ-UB ngày 01/10/2004 của UBND huyện D.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 344238 do UBND huyện D cấp cho ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị H ngày 23/7/2013 đã đăng ký biến động sang tên cho ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị H ngày 09/02/2017.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 756339 do UBND huyện D cấp cho ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị H ngày 26/3/2012.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các chủ sử dụng đất thực hiện liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hiện trạng sử dụng theo quy định pháp luật về đất đai.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc UBND huyện D phải hoàn trả lại cho bà L, ông H số tiền 4.917.000đ (*bốn triệu chín trăm mười bảy nghìn đồng*).

3. Về án phí: Buộc người bị kiện UBND huyện D phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm; Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Kim L, ông Đỗ Văn H số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí hành chính theo biên lai thu số 0017871 ngày 02/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh LĐ
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Người liên quan;
- Văn phòng chính phủ;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án;

(để
thi
hành)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Dư Thành Trung